

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 01 - 2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Khánh
Bà Hoàng Nữ Ngọc Oanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Danh Dũng- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Lê- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/12/2025 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 13/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H; sinh ngày 25/8/1992; căn cước số 040192005406; địa chỉ: Xóm Kim Ngọc, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Đức Đ; sinh ngày 30/12/1993; căn cước số 042093020966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Nam Lý, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Slovakia (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2025, bản tự khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị H cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đức Đ đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Trần Đức Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Trần Hoàng L, sinh ngày 20/11/2018. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Trần Hoàng L có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà anh Trần Đức Đ là ông Trần Đức Tùng yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Đ tại nước ngoài để Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng nhưng ông từ chối cung cấp địa chỉ; chỉ cung cấp các thông tin sau: Anh Trần Đức Đ là con trai thứ 3 trong gia đình ông, hiện đang lao động tự do tại Slovakia không có địa chỉ cụ thể, vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, ông đã thông báo cho anh Đ biết các văn bản Tòa án giao gửi và anh Đ có nêu quan điểm đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý để chị H nuôi con, tuy nhiên nếu chị H không nuôi được thì đưa con về cho ông bà nội nuôi dưỡng, anh không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng H - Đ theo ông là do mâu thuẫn về kinh tế. Năm 2022 chị H đã đưa con về nhà ngoại sinh sống. Về tài sản chung, nợ chung của H - Đ theo ông là không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Đức Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm

non con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Trần Đức Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tự do tại nước ngoài (đã xuất cảnh vào ngày 15/9/2020 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Căn cứ quy Đ tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh địa chỉ, quan điểm đối với bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài và đã thông báo về thời gian tố tụng cho bị đơn anh Trần Đức Đ thông qua người thân và thông báo trên kênh VOV World của Đài tiếng nói Việt Nam.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ quy Đ tại khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức Đ và chị Hoàng Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã được ủy ban nhân dân xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2018. Căn cứ quy Đ tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị H là hợp pháp.

Xác Đ tình trạng hôn nhân của anh Đ - chị H thấy rằng: Theo trình bày của chị H thì sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do không còn tình cảm, không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn. Anh Trần Đức Đ mặc dù biết được yêu cầu ly hôn của chị H

nhưng anh không có động thái nào để gắn tình cảm và thể hiện mong muốn đoàn tụ mà anh lại bỏ mặc yêu cầu đó và thông qua gia đình anh thể hiện đồng ý ly hôn. Như vậy đủ cơ sở khẳng định mục đích hôn nhân của gia đình chị H- anh Đ hiện không còn đạt được. Mâu thuẫn đã trầm trọng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Đức Đ.

[2.2] Quan hệ con chung: Con chung Trần Hoàng L đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có nguyện vọng được ở với mẹ. Để không làm đảo lộn cuộc sống, môi trường học tập của cháu Hoàng Linh cũng như việc anh Đ không có mặt tại Việt Nam để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con của mình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con khi ly hôn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 1, khoản 3 Điều 228**; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Đức Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng L, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đức Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000419 ngày 30/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy Đ của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy Đ của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực I- Hà Tĩnh (2 bản);
- Phòng THADS khu vực I- Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hạnh

,

